CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2024

FireAnt

CTCP Bóng đèn Phích nước Rạng Đông

Ngày 30/09/2024	133,300 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-6.1%	**-7.7%**	**9.2%**

DT thuần
Q3/24
1,329
tỷ VNĐ
QoQ: ▼790| -37.3%
YoY: ▲ 48.0| 3.7%

LN thuần
Q3/24
86.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▼56.4| -39.5%
YoY: ▼15.4| -15.1%

LN sau thuế
Q3/24
76.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▼60.4| -44.1%
YoY: ▼20.3| -20.9%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/24
7.7%
YoY: +/-▲ 0.1%

ROE (TTM)
Q3/24
20.4%
YoY: +/-▼ 0.9%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	98,879 - 149,151
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,139
Số lượng CPLH (CP)	23,547,419
KLGD BQ 20 phiên (CP)	10,215
Sở hữu nước ngoài	2.2%
Beta	0.22
EPS	25,611
P/E	5.2

DT thuần
9T 2024
6,279
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1,337| 27.1%

LN thuần
9T 2024
438
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 29.0| 6.9%

LN sau thuế
9T 2024
409
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 19.0| 4.8%

Cơ cấu cổ đông

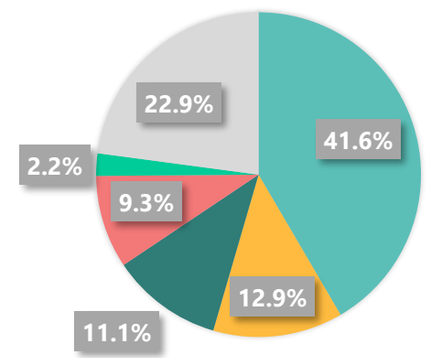

- Công đoàn CTCP Bóng đèn phích nước Rạng Đông
- CTCP Chứng khoán Quốc Gia
- Lê Thị Kim Yến
- Lê Đình Hưng (Thành viên Ban kiểm soát)
- Nguyễn Đoàn Thăng (Tổng giám đốc)
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu

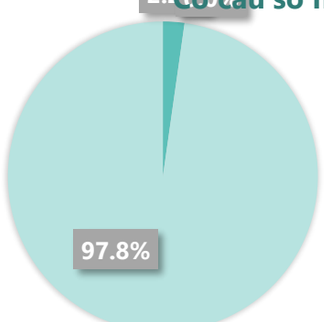

- Sở hữu nước ngoài
- Sở hữu nhà nước
- Sở hữu khác

(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá

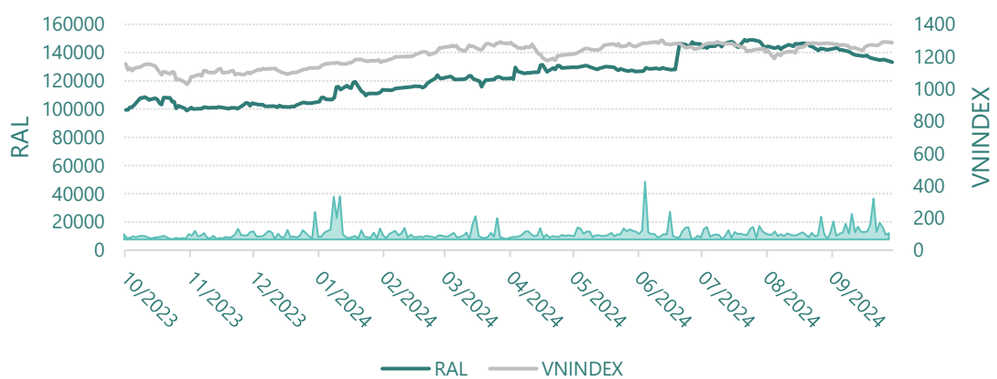

KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp

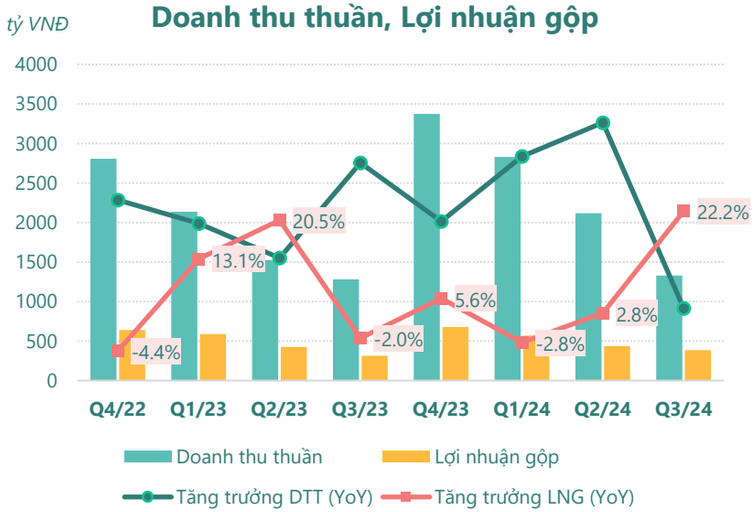

(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận

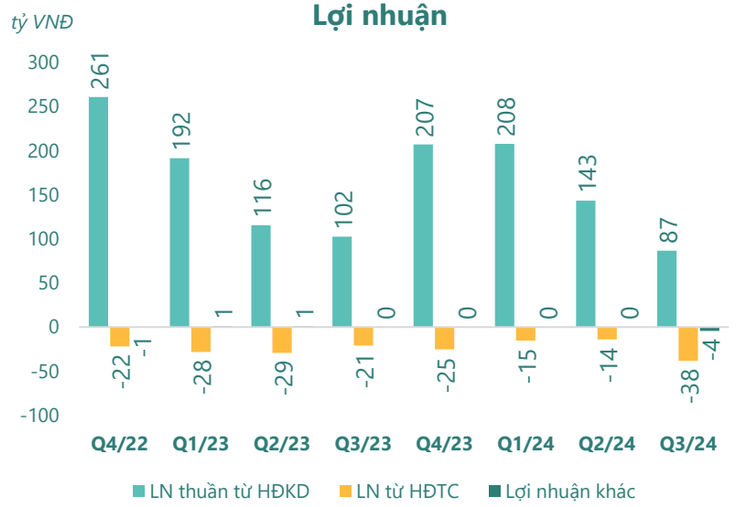

(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí

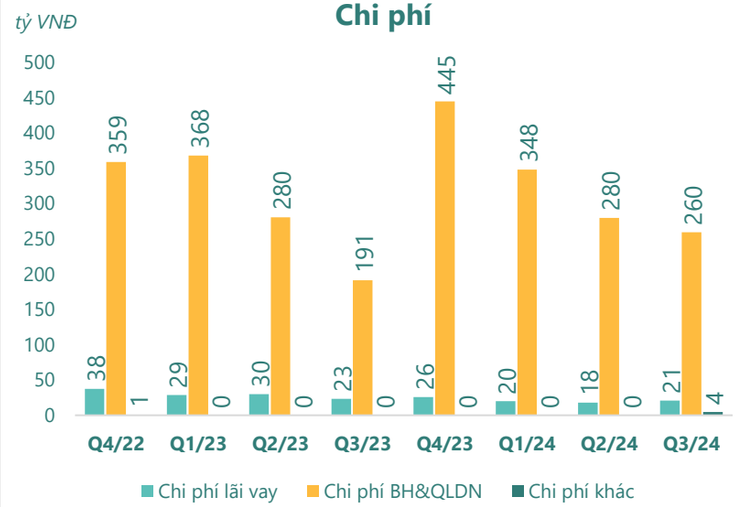

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận

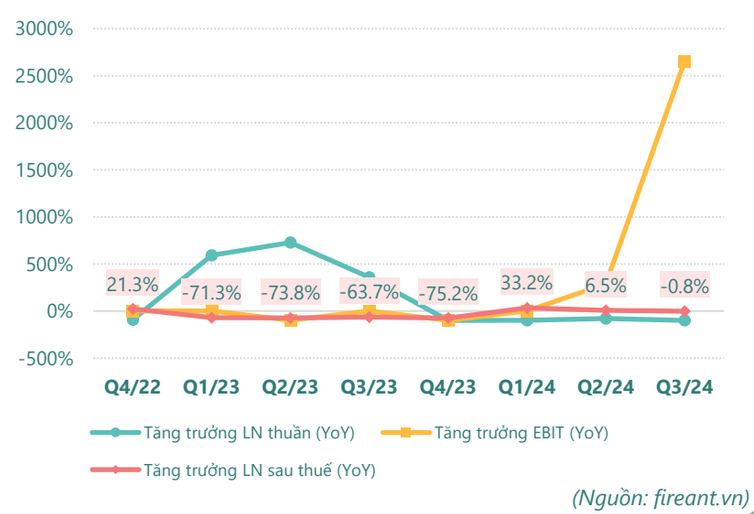

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi

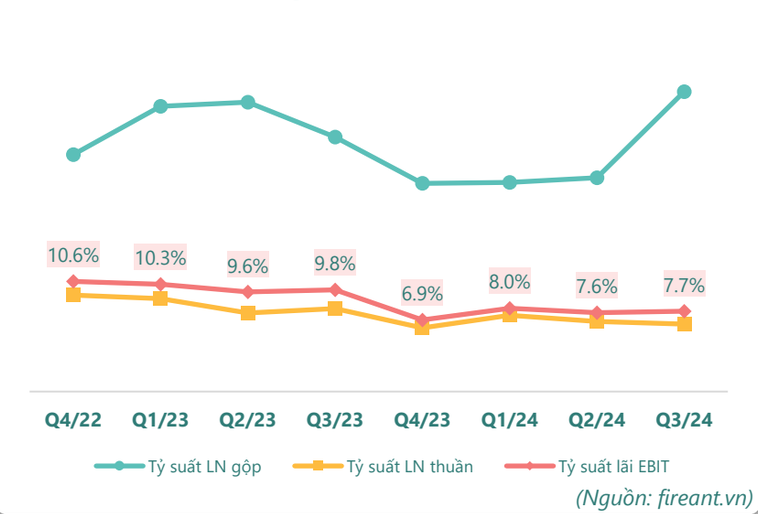

(Nguồn: fireant.vn)

Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

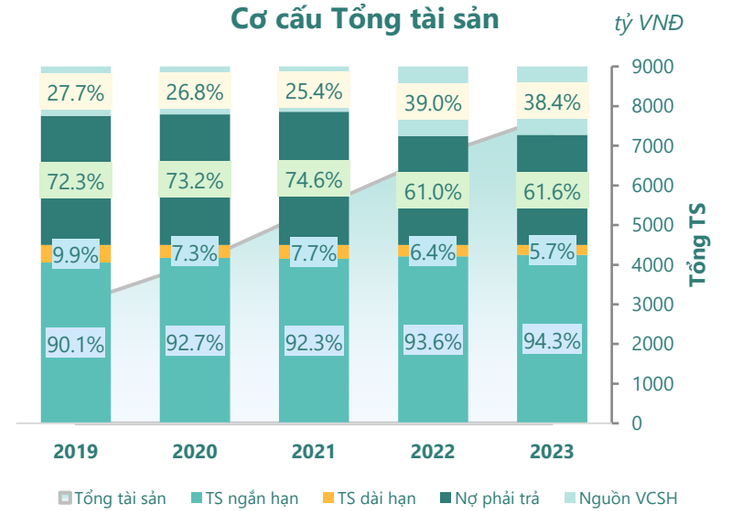

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

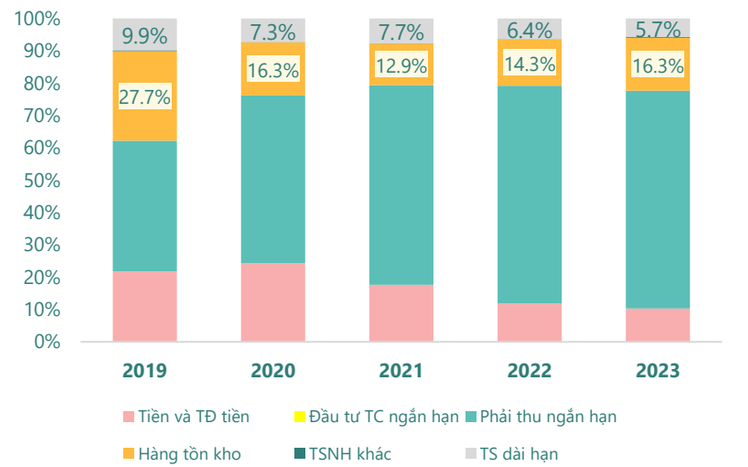

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

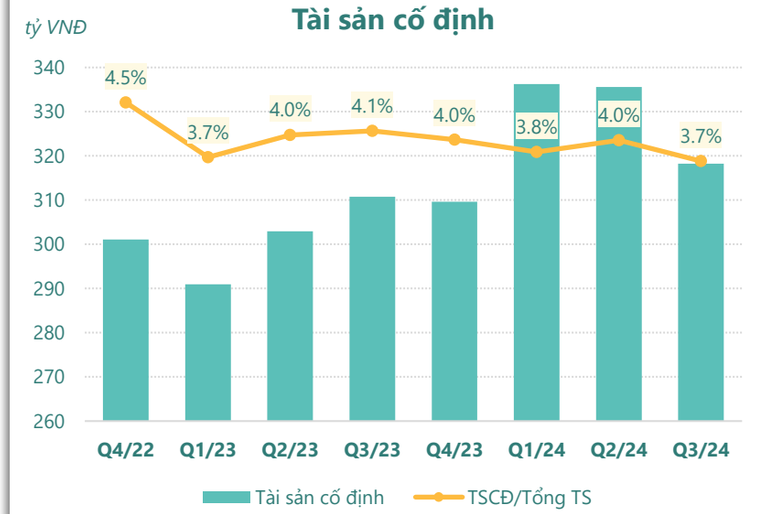

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

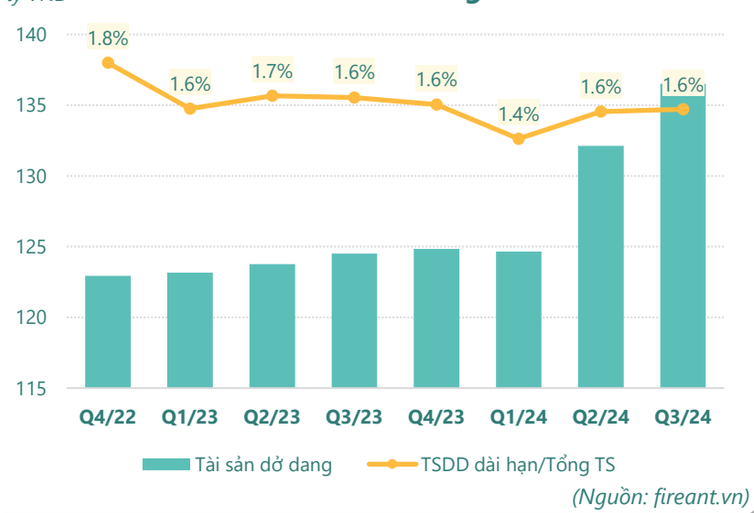

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

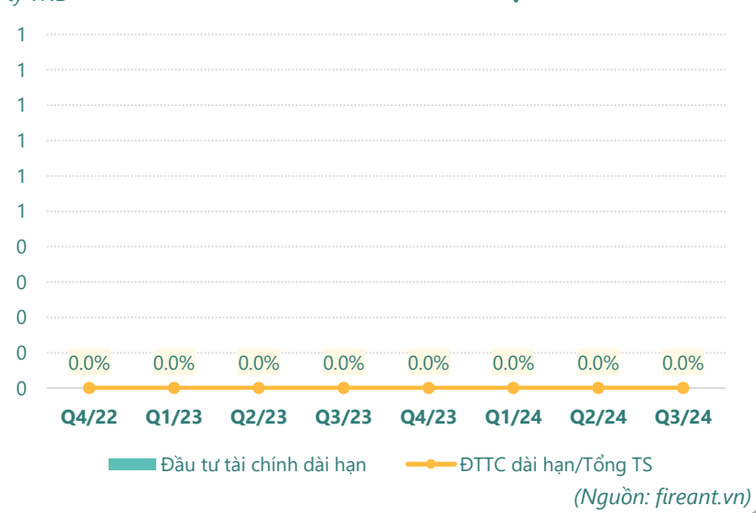

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

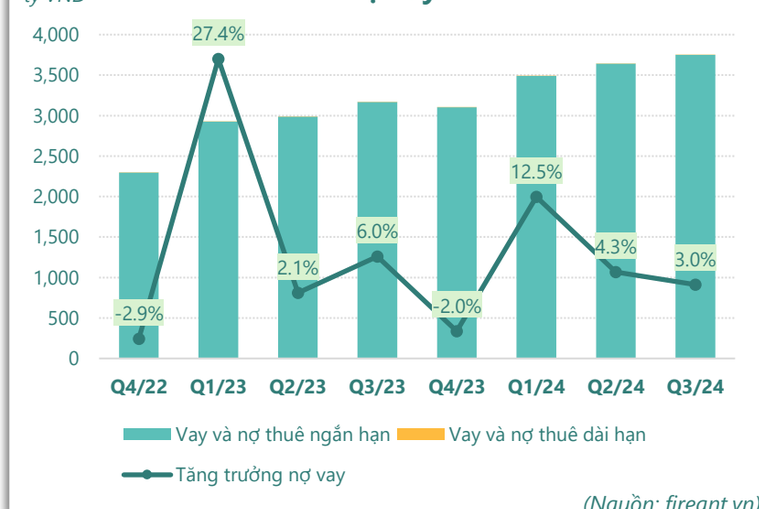

(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH

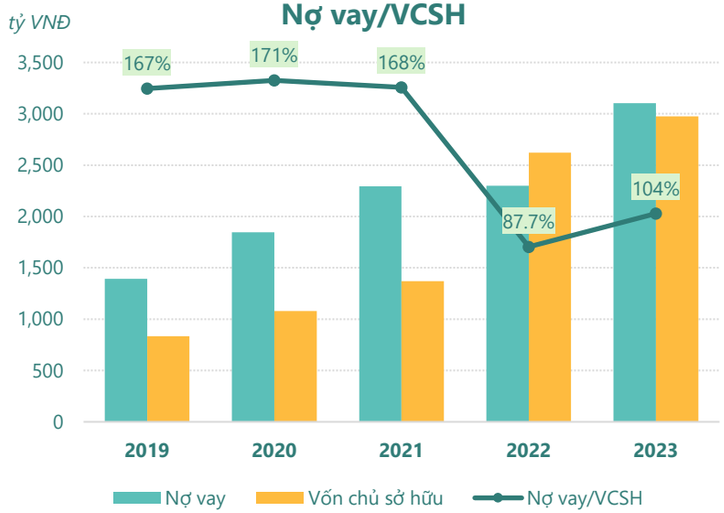

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

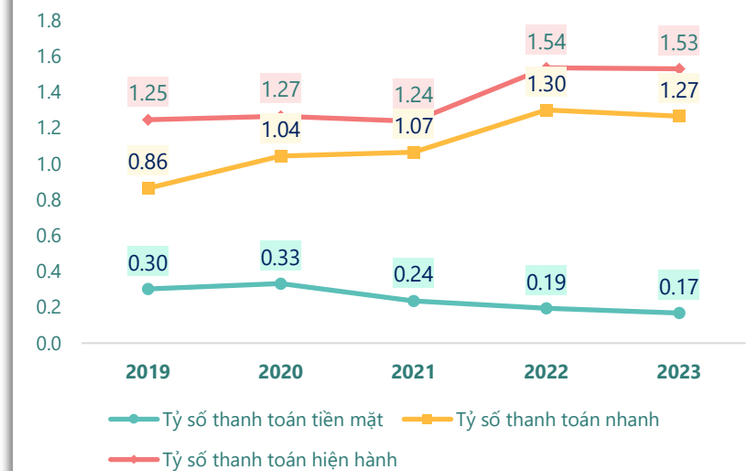

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

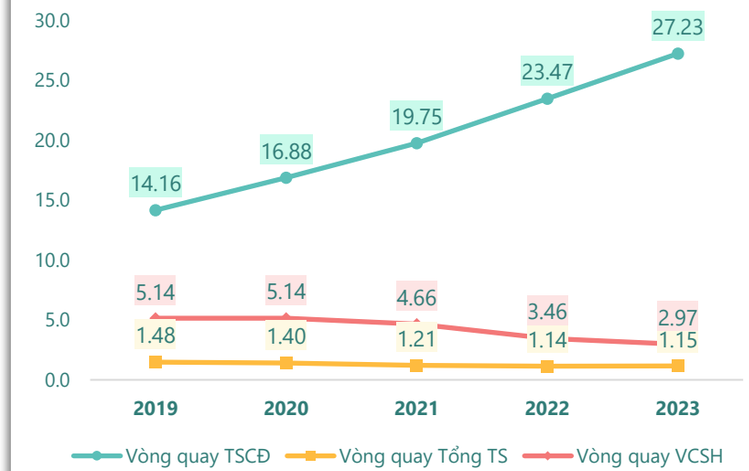

(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay

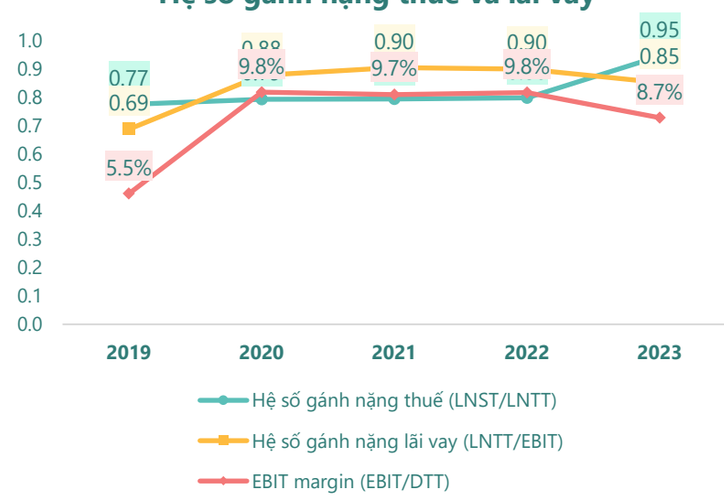

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE

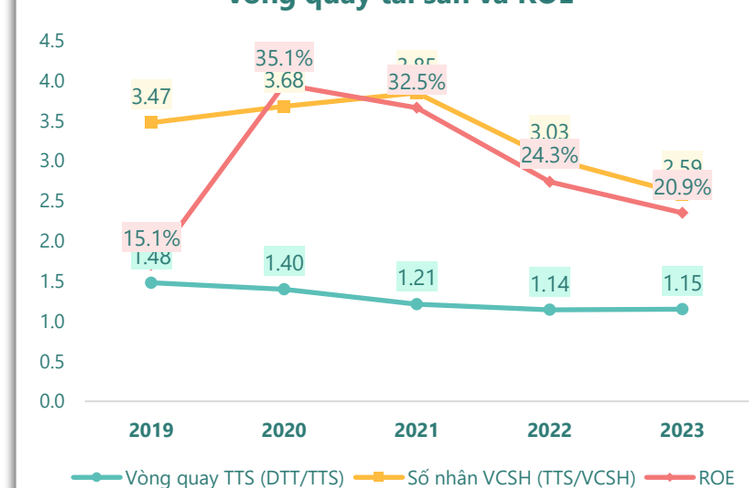

(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn

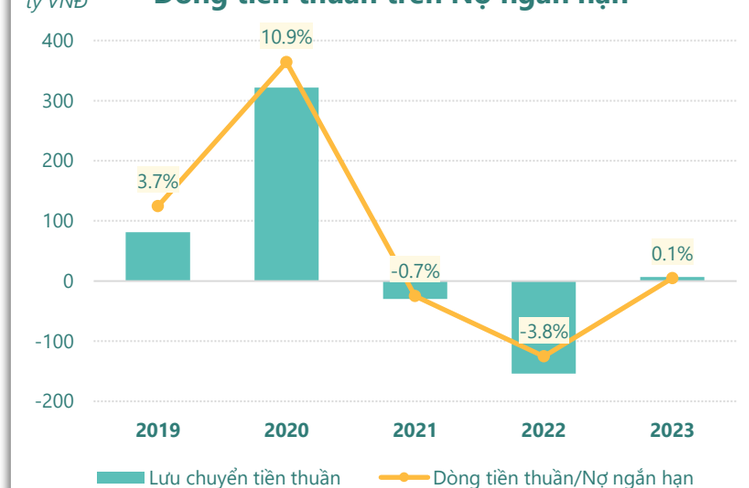

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q3/23	Thay đổi YoY	9T 2024	9T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**1,329**	**1,281**	**3.7%**	**6,279**	**4,942**	**27.1%**
Giá vốn hàng bán	944	967	-2.3%	4,886	3,614	35.2%
Lợi nhuận gộp	384	315	22.0%	1,393	1,328	4.9%
Doanh thu HĐTC	2.32	3.33	-30.2%	13.1	8.58	52.9%
Chi phí TC	40.6	24.2	67.7%	80.8	86.9	-7.0%
Chi phí lãi vay	20.8	23.3	-10.6%	58.4	81.9	-28.6%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	242	162	49.5%	805	726	11.0%
Chi phí QLDN	**17.4**	**29.5**	**-41.1%**	**82.3**	**114**	**-28.0%**
LN thuần từ HĐKD	86.6	102	-15.1%	438	409	6.9%
Lợi nhuận khác	**-4.47**	**0.01**	**-44808%**	**-4.32**	**1.57**	**-376%**
LN trước thuế	82.1	102	-19.5%	433	411	5.4%
Lợi nhuận sau thuế	**76.6**	**96.9**	**-20.9%**	**409**	**390**	**4.8%**
LNST của CĐ cty mẹ	**76.6**	**96.9**	**-20.9%**	**409**	**390**	**4.8%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-116	-6.75	-4.33	126	-186	79.5
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-41.3	-48.8	-15.8	-46.7	-34.6	-2.33
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-57.2	148	-97.7	387	92.3	50.0
Tiền đầu kỳ	1,042	828	920	802	1,269	1,141
Lưu chuyển tiền thuần	**-214**	**92.2**	**-118**	**466**	**-128**	**127**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0	0	-0.12	0.12
Tiền cuối kỳ	828	920	802	1,269	1,141	1,268

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/9/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**8,658**	**7,752**	**11.7%**
Tài sản ngắn hạn	8,198	7,311	12.1%
Tiền và tương đương tiền	1,268	802	58.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	5,092	5,220	-2.5%
Hàng tồn kho	1,741	1,267	37.4%
Tài sản ngắn hạn khác	97.5	20.7	370%
Tài sản dài hạn	**460**	**441**	**4.5%**
Phải thu dài hạn	1.39	1.34	4.1%
Tài sản cố định	318	310	2.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	137	125	9.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**4.31**	**4.96**	**-13.0%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	5,539	4,777	15.9%
Nợ ngắn hạn	**5,538**	**4,777**	**16.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	3,750	3,103	20.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	1,027	899	14.2%
Nợ dài hạn	0.84	0.84	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0.84	0.84	0.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**3,119**	**2,974**	**4.9%**
Vốn chủ sở hữu	**3,119**	**2,974**	**4.9%**
Vốn điều lệ	235	235	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)